

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Tư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Minh Hiếu

2/. Ông Trần Hoàng Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Hồng Đ**, sinh ngày: 09/09/1994. Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Chỗ ở hiện nay: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Văn Ớ**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024, nguyên đơn bà **Võ Thị Hồng Đ** trình bày:* Bà và ông **Lê Văn Ớ** quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2013, đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 103/2015, cấp ngày

21/09/2015. Trong quá trình chung sống bà Đ và ông Ó có một người con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 24/10/2015 đang sống chung với bà Đ.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Ông Lê Văn Ó không quan tâm chăm lo đến gia đình, bà Đ và gia đình có khuyên nhủ và cho ông Ó cơ hội nhưng ông Ó vẫn không thay đổi tính tình. Ngày 07/05/2024, giữa bà Đ và ông Lê Văn Ó có xảy ra cự cãi và bà Đ có lấy số vàng mà bà Đ dành dụm được để đi về bên mẹ ruột của bà Đ, nhưng ông Ó không đồng ý.

Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà và ông Ó không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn Ó. Về con chung, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Gia B, sinh ngày 24/10/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà Đ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, bà Đ cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có tạo lập được một số tài sản chung gồm tiền, vàng và xây cất nhà,... nhưng bà Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản chung gồm vàng cưới là 10 chỉ vàng 24K và số vàng vợ chồng bà Đ cùng mua chung là 14 chỉ vàng 24K. Bà Đ yêu cầu được chia đôi số tài sản nêu trên, bà xin nhận 50% số tài sản trên bằng hiện vật.

Về nợ chung, bà Đ tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Văn Ó đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận và không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan đến việc giải quyết vụ án.*

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng Đ, cho bà Đ được ly hôn với ông Ó, giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Ó cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung theo yêu cầu của bà Đ, về nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn Ó đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng Đ và ông Lê Văn Ó kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103/2015 nên đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Bà **Võ Thị Hồng Đ** cho rằng trong quá trình sống chung, bà và ông **Lê Văn Ó** bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông, bà không còn sống chung từ ngày 07/5/2024 đến nay. Xét thấy, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có sự yêu thương và hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng, duy trì trên cơ sở có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên giữa bà **Đ** và ông **Ó** không còn duy trì được tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau để tiếp tục hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nhau cơ hội để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vì vậy hôn nhân của ông, bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà **Đ** được ly hôn với ông **Ó** để mỗi người tạo lập cuộc sống mới, có cơ hội tìm được hạnh phúc mới.

[4] Về con chung: Bà **Võ Thị Hồng Đ** và ông **Lê Văn Ó** có một người con chung là cháu **Lê Gia B**, sinh ngày: 24/10/2015, bà **Đ** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B**. Xét thấy cháu **B** hiện nay đang sống chung với bà **Đ** và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà **Đ** nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **B** cho bà **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, bà **Đ** yêu cầu ông **Lê Văn Ó** cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Theo lời khai của bà **Đ** thì kể từ ngày 07/5/2024, bà và cháu **B** về nhà cha mẹ ruột của bà tại **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** sinh sống cho đến nay, đồng thời bà cũng yêu cầu ông **Ó** cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 07/5/2024 đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi, xét thấy yêu cầu này của bà **Đ** là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 7 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, mức cấp dưỡng là 1.725.000 đồng/tháng. Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế sách, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **Lê Văn Ó**, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung: Bà **Đ** cho rằng trong quá trình chung sống, bà và ông **Ó** có tạo lập được một số tài sản chung gồm tiền, vàng và xây cất nhà,... nhưng bà **Đ** chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản chung gồm vàng cưới là 10 chỉ vàng 24K và số vàng vợ chồng bà **Đ** cùng mua chung là 14 chỉ vàng 24K, bà yêu cầu chia đôi số tài sản này, mỗi người nhận 12 chỉ vàng và cho rằng số tài sản này do ông **Ó** đang cất giữ. Đối với ông **Lê Văn Ó**, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà **Đ** nhưng không có ý kiến cũng như không phản đối với các yêu cầu của bà **Đ** nên Hội đồng xét xử nhận định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Từ

đó, Hội đồng xét xử xác định số tài sản 24 chỉ vàng 24K là tài sản chung của bà Đ và ông Ớ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, chia đôi số tài sản này, bà Võ Thị Hồng Đ và ông Lê Văn Ớ mỗi người được nhận 12 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 88.200.000 đồng. Buộc ông Lê Văn Ớ có trách nhiệm giao lại cho bà Đ số tài sản là 12 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 88.200.000 đồng (áp dụng mức giá vàng tại thời điểm xét xử là 7.350.000 đồng/chỉ).

[8] Về nợ chung: Bà Võ Thị Hồng Đ không yêu cầu giải quyết nên, ông Lê Văn Ớ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Võ Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.410.000 đồng. Ông Lê Văn Ớ phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.410.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, điểm b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[10] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a, điểm b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng Đ.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Lê Văn Ớ.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 24/10/2015 cho bà Võ Thị Hồng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Lê Gia B đủ 18 tuổi. Buộc ông Lê Văn Ớ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Gia B mỗi tháng 1.725.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ 07/5/2024 đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn Ớ, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về tài sản chung: Chia đôi số tài sản chung là 24 chỉ vàng 24K, bà **Võ Thị Hồng Đ** và ông **Lê Văn Ó** mỗi người được nhận 12 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 88.200.000 đồng. Buộc ông **Lê Văn Ó** có trách nhiệm giao lại cho bà **Đ** số tài sản là 12 chỉ vàng 24K tương đương với số tiền 88.200.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà **Võ Thị Hồng Đ** có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông **Lê Văn Ó** còn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà **Võ Thị Hồng Đ** theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4/. Về nợ chung: Bà **Võ Thị Hồng Đ** và ông **Lê Văn Ó** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/. Về án phí: Bà **Võ Thị Hồng Đ** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.410.000 đồng, tổng cộng là 4.710.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.497.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005363 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà **Võ Thị Hồng Đ** còn phải nộp thêm số tiền án phí là 2.213.000 đồng.

Ông **Lê Văn Ó** phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung là 4.410.000 đồng, tổng cộng là 4.710.000 đồng

6/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Trinh Phú, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA